TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1103 /QĐ-BGTVT ngày 05 /9/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định 785/QĐ-BGTVT	Trong đó:			Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó:		
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Tạm tiết kiệm	Tăng	Giảm		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ	Tiết kiệm 5% theo NQ số 119/NQ-CP
	Chi hoạt động kinh tế (280-338)	**284.891**	**158.867**	**126.024**	**5.628**	**4.468**	**4.468**	**284.891**	**158.867**	**126.025**	**4.225**
1	Văn phòng thường trực Uỷ ban ATGT Quốc gia	20.050		20.050	1.002			20.050		20.050	1.002
2	Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải	14.100		14.100	545			14.100		14.100	189
3	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	2.935		2.935	147			2.935		2.935	147
4	Văn phòng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	960		960	45			960		960	45
5	Cục Hàng hải Việt Nam	0		0				0		0	
5	Văn phòng Cục Hàng Hải Việt Nam	6.301		6.301	246			6.301		6.301	246
6	Cơ quan Cục đường bộ Việt Nam	8.700		8.700	435			8.700		8.700	435
7	Văn phòng Cục Y tế Giao thông vận tải	200		200	10			200		200	10
8	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	5.911		5.911	296			5.911		5.911	296
9	Cục Đăng kiểm Việt Nam	330		330	17			330		330	17
10	Trung tâm Công nghệ thông tin	10.716	5.656	5.060	225			10.716	5.656	5.060	225
11	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam	85.275	34.798	50.477	2.262	3.321	4.468	84.128	33.651	50.477	1.215
12	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Khu vực I	36.329	35.329	1.000	127	1.147		37.476	36.476	1.000	127
13	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Khu vực II	37.151	32.151	5.000	102			37.151	32.151	5.000	102
14	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Khu vực III	35.135	31.135	4.000	98			35.135	31.135	4.000	98
15	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Khu vực IV	17.721	16.721	1.000	68			17.721	16.721	1.000	68
16	Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải	3.077	3.077		3			3.077	3.077		3

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1403 /QĐ-BGTVT ngày 05 /9/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị : **Văn phòng Bộ Giao thông Vận tải**

Mã số NS : 1055622 Kho bạc : 0011

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định 785/QĐ-BGTVT	Trong đó: tiết kiệm 5% theo NQ số 119/NQ-CP
I	**SỐ CHI NGÂN SÁCH**	**14.100**	**189**
1	**Chi hoạt động kinh tế (280-338)**	**14.100**	**189**
	Kinh phí không thường xuyên	***14.100***	***189***
-	Chi công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương để giải quyết, khắc phục hậu quả các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng, các vấn đề đột xuất, phức tạp bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên phạm vi cả nước	6.500	0
-	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật an toàn giao thông	5.700	155
-	Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông	400	20
-	Chi trực công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông	0	0
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Giao thông vận tải	750	5
-	Triển khai Công ước SAR 79	750	9

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1103 /QĐ-BGTVT ngày 05 /9/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị: **Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam**

Mã số NS: 1059290 Kho bạc: 0015

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định 785/QĐ-BGTVT	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó: tiết kiệm 5% theo NQ số 119/NQ-CP
			Tăng	Giảm		
I	**SỐ CHI NGÂN SÁCH**	**85.275**	**3.321**	**4.468**	**84.128**	**1.215**
1	**Chi hoạt động kinh tế (280-338)**	**85.275**	**3.321**	**4.468**	**84.128**	**1.215**
*	***Kinh phí thường xuyên***	***34.798***		***1.147***	***33.651***	***119***
*	***Kinh phí không thường xuyên***	***50.477***	***3.321***	***3.321***	***50.477***	***1.096***
-	Nhiên liệu của ô tô chuyên dùng và các tàu tìm kiếm cứu nạn chuyên dùng	13.920			13.920	60
-	Bảo hộ lao động cho thuyền viên	1.228			1.228	61
-	Khám sức khỏe cho thuyền viên	602			602	9
-	Bảo hiểm ô tô chuyên dùng, các tàu tìm kiếm cứu nạn chuyên dụng và thuyền viên	1.227		77	1.150	
-	Nước rửa tàu	25			25	1
-	Cước phí sử dụng trang bị liên lạc chuyên dụng	1.853		113	1.740	
-	Sửa chữa thường xuyên tàu thuyền, ô tô chuyên dùng, trang thiết bị chuyên dụng tìm kiếm cứu nạn hàng hải	457		10	447	15
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 411	4.830		343	4.487	

STT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định 785/QĐ-BGTVT	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó: tiết kiệm 5% theo NQ số 119/NQ-CP
			Tăng	Giảm		
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 412	3.305			3.305	181
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 413	2.448		28	2.420	185
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 273	7.485		1.996	5.489	410
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 272	3.482			3.482	174
-	Cấp dự phòng kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn đột xuất	9.615		754	8.861	
-	Sửa chữa lớn trên đà tàu SAR 274		1.083		1.083	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano CN-02		100		100	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano CN-01		349		349	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano CN-03		363		363	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano SAR 69		304		304	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano CN01-TSA		100		100	
-	Sửa chữa lớn trên đà cano CN02-TSA		100		100	
-	Thiết bị VHF cầm tay kín nước		240		240	
-	Đèn pha cầm tay		110		110	
-	Bộ trang bị lặn chuyên dụng		135		135	
-	Bộ quần áo chữa cháy		100		100	
-	Hình nộm huấn luyện trên biển		198		198	
-	Túi bạt cứu thương chuyên dụng		70		70	
-	Máy chiếu		70		70	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1103 /QĐ-BGTVT ngày 05 /9/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị: Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Khu vực I

Mã số NS: 1059287; Kho bạc: 0061

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã giao tại Quyết định 785/QĐ-BGTVT	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó: tiết kiệm 5% theo NQ số 119/NQ-CP
			Tăng	Giảm		
I	**SỐ CHI NGÂN SÁCH**	**36.329**	**1.147**		**37.476**	**127**
1	**Chi hoạt động kinh tế (280-338)**	**36.329**	**1.147**		**37.476**	**127**
*	***Kinh phí thường xuyên***	***35.329***	***1.147***		***36.476***	***127***
*	***Kinh phí không thường xuyên***	***1.000***			***1.000***	
-	Cấp dự phòng kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn đột xuất	1.000			1.000	